

Số: /2019/TT-BGTVT Hà Nội, ngày tháng năm 2019

THÔNG TƯ

Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương
viên chức quản lý dự án đường bộ

DỰ THẢO

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ tại Công văn số.....ngày.....tháng... năm... về việc...

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức quản lý dự án đường bộ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng



1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức quản lý dự án đường bộ.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức làm công tác quản lý dự án đường bộ tại các Ban Quản lý dự án chuyên ngành, Ban Quản lý dự án khu vực.

Điều 2. Mã số chức danh nghề nghiệp viên chức quản lý dự án đường bộ

- | | |
|---|--------|
| 1. Quản lý dự án viên đường bộ hạng I | Mã số: |
| 2. Quản lý dự án viên đường bộ hạng II | Mã số: |
| 3. Quản lý dự án viên đường bộ hạng III | Mã số: |

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp

1. Luôn tuân thủ pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Trung thực, khách quan, thẳng thắn, tận tụy, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao; có phương pháp làm việc khoa học; có tinh thần cầu thị, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tích cực nghiên cứu và chủ động áp dụng các thành tựu khoa học trong công việc.

3. Không lợi dụng chức danh, quyền hạn để hoạt động xâm hại đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia; không mưu cầu lợi ích cá nhân; giữ gìn bí mật quốc gia trong phạm vi chuyên môn của mình.

4. Có ý thức trau dồi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín nghề nghiệp; đoàn kết; có ý thức phối hợp, giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác.

5. Có lối sống lành mạnh, gương mẫu; không quan liêu, tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tích cực đấu tranh với những hành vi tiêu cực.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Quản lý dự án viên đường bộ hạng I - Mã số:

1. Nhiệm vụ

a) Chủ trì tổ chức thực hiện việc lập kế hoạch dự án, công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng;

b) Chủ trì thực hiện dự án, tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành để vận hành, sử dụng; chủ trì hoặc tham gia thực hiện giám sát đánh giá đầu tư;

c) Chủ trì tổ chức thực hiện công tác quản lý dự án theo quy định pháp luật;



d) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ và tương đương trong quản lý dự án đầu tư xây dựng; chủ trì chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước;

đ) Chủ trì biên soạn, biên tập các tài liệu, giáo trình hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý dự án đường bộ; tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các chức danh quản lý dự án viên đường bộ hạng thấp hơn.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Quản lý dự án, giao thông, xây dựng, kinh tế, tài chính, kế toán, luật hoặc chuyên ngành khác có liên quan;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 4 (B2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây gọi là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT) hoặc tương đương trở lên;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây gọi là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT) hoặc tương đương trở lên;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ hạng I.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quy hoạch xây dựng; nắm vững định hướng, nhiệm vụ phát triển của ngành giao thông vận tải về lĩnh vực đường bộ;

b) Am hiểu các thông tin kinh tế - kỹ thuật trong và ngoài nước, am hiểu tình hình sản xuất, trình độ công nghệ nói chung và tình hình sản xuất, trình độ công nghệ của ngành; nắm chắc và kịp thời các thành tựu và xu hướng phát triển trong hoạt động quản lý dự án, những tiến bộ về công nghệ, vật liệu xây dựng quan trọng trong và ngoài nước;

c) Có kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm về hoạt động quản lý dự án đầu tư xây dựng, ứng dụng, triển khai công nghệ trong phạm vi nhiệm vụ được giao và những kiến thức cơ bản của một số chuyên ngành kỹ thuật liên quan;

d) Có năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và đề xuất giải pháp hoặc tham gia xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển trong lĩnh vực đường bộ;

đ) Có khả năng nghiên cứu, chỉ đạo nghiên cứu các đề tài khoa học cấp cấp bộ, cấp cơ sở, trực tiếp giảng dạy và truyền đạt kiến thức cho đội ngũ viên chức trong cùng lĩnh vực;



e) Đã làm giám đốc quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B cùng loại trở lên;

Hoặc đã chủ trì (hoặc là người tham gia chính) ít nhất 01 đề tài khoa học và công nghệ hoặc 01 dự án sự nghiệp cấp quốc gia (hoặc chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc 02 dự án sự nghiệp cấp bộ) trong lĩnh vực đường bộ đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

g) Viên chức thăng hạng từ chức danh quản lý dự án viên đường bộ hạng II lên chức danh quản lý dự án viên đường bộ hạng I phải có thời gian giữ chức danh quản lý dự án viên đường bộ hạng II hoặc tương đương tối thiểu là 06 (sáu) năm (tù đủ 72 tháng), trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh quản lý dự án viên đường bộ hạng II tối thiểu là 02 (hai) năm (tù đủ 24 tháng).

Điều 5. Quản lý dự án viên đường bộ hạng II - Mã số:

1. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện việc lập kế hoạch dự án, công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng;

b) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện dự án, gồm công tác thuê tư vấn thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng; thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng (theo phân cấp); bồi thường, giải phóng mặt bằng; lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng xây dựng; giám sát quá trình thực hiện; giải ngân, thanh toán theo hợp đồng xây dựng;

c) Tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành để vận hành, sử dụng; tham gia thực hiện giám sát đánh giá đầu tư;

d) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện công tác quản lý dự án theo quy định pháp luật;

đ) Tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước; chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, cấp cơ sở trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng; tham gia chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước;

e) Tham gia biên soạn, biên tập các tài liệu, giáo trình hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý dự án đường bộ; tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các chức danh quản lý dự án viên đường bộ hạng thấp hơn.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Quản lý dự án, giao thông, xây dựng, kinh tế, tài chính, kế toán, luật hoặc chuyên ngành khác có liên quan;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hiểu biết quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước trong hoạt động xây dựng, quản lý dự án; nắm vững định hướng, nhiệm vụ phát triển của ngành giao thông vận tải về lĩnh vực đường bộ;

b) Am hiểu các thông tin kinh tế - kỹ thuật trong nước, am hiểu tình hình sản xuất, trình độ công nghệ nói chung và tình hình sản xuất, trình độ công nghệ của ngành; nắm vững kịp thời các thành tựu và xu hướng phát triển trong hoạt động quản lý dự án, những tiến bộ về công nghệ, vật liệu xây dựng quan trọng trong và ngoài nước;

c) Có kiến thức và kinh nghiệm về hoạt động quản lý dự án đầu tư xây dựng và những kiến thức cơ bản của một chuyên ngành kỹ thuật liên quan;

d) Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật;

đ) Có năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn;

e) Có khả năng nghiên cứu các đề tài khoa học cấp cấp bộ, trực tiếp giảng dạy và truyền đạt kiến thức cho đội ngũ viên chức trong cùng lĩnh vực;

e) Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên;

Hoặc đã chủ trì (hoặc là người tham gia chính) ít nhất 01 đề tài khoa học và công nghệ hoặc 01 dự án sự nghiệp cấp bộ, cấp tỉnh (hoặc chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc 02 dự án sự nghiệp cấp cơ sở) trong lĩnh vực đường bộ đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

g) Viên chức thăng hạng từ chức danh quản lý dự án viên đường bộ hạng III lên chức danh quản lý dự án viên đường bộ hạng II phải có thời gian giữ chức danh quản lý dự án viên đường bộ hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm (từ đủ 108 tháng), trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh quản lý dự án viên đường bộ hạng III tối thiểu là 03 (ba) năm (từ đủ 36 tháng).

Điều 6. Quản lý dự án viên đường bộ hạng III - Mã số:

1. Nhiệm vụ

a) Lập, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hàng năm; thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng;

b) Tham gia thực hiện dự án, gồm công tác thuê tư vấn thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng; thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng (theo phân



cấp); bồi thường, giải phóng mặt bằng; lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng xây dựng; giám sát quá trình thực hiện; giải ngân, thanh toán theo hợp đồng xây dựng;

c) Tham gia nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành; tham gia thực hiện giám sát đánh giá đầu tư;

d) Xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, bao gồm quản lý về phạm vi, kế hoạch công việc; khối lượng công việc; chất lượng xây dựng; tiến độ thực hiện; chi phí đầu tư xây dựng; an toàn trong thi công xây dựng; bảo vệ môi trường trong xây dựng; lựa chọn nhà thầu và hợp đồng xây dựng; quản lý rủi ro; quản lý hệ thống thông tin công trình theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan và phối hợp với các viên chức khác triển khai công việc, làm đúng thẩm quyền và trách nhiệm được giao;

e) Tổng hợp tình hình, tiến hành phân tích tổng kết, đánh giá hiệu quả công việc và báo cáo cấp trên;

g) Tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng;

h) Tham gia chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia biên soạn, biên tập các tài liệu, giáo trình hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý dự án đường bộ.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Quản lý dự án, giao thông, xây dựng, kinh tế, tài chính, kế toán, luật hoặc chuyên ngành khác có liên quan;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hiểu biết quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước trong hoạt động xây dựng, quản lý dự án; nắm được cơ bản định hướng, nhiệm vụ phát triển của ngành giao thông vận tải về lĩnh vực đường bộ;

b) Có kiến thức cơ bản về chuyên môn trong hoạt động quản lý dự án đầu tư xây dựng và những kiến thức cơ bản của một chuyên ngành kỹ thuật liên quan;

c) Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật;



d) Có khả năng đề xuất và nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học để nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ;

đ) Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

Chương III

BỒ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG BỘ

Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức quản lý dự án đường bộ

1. Việc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức quản lý dự án đường bộ quy định tại Thông tư này phải căn cứ vào vị trí việc làm, nhiệm vụ, năng lực, chuyên môn nghiệp vụ của viên chức.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch công chức hoặc chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 8. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ

Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ đối với viên chức được tuyển dụng hoặc đang làm công tác quản lý dự án đường bộ trong các Ban Quản lý dự án chuyên ngành, Ban Quản lý dự án khu vực khi đáp ứng được tiêu chuẩn quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư này.

Điều 9. Cách xếp lương

1. Viên chức được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ quy định tại Thông tư này được áp dụng bảng lương tương ứng ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cụ thể như sau:

a) Quản lý dự án viên đường bộ hạng I, mã số:, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3 nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

b) Quản lý dự án viên đường bộ hạng II, mã số:, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2 nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

c) Quản lý dự án viên đường bộ hạng III, mã số:, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98.

2. Xếp lương khi hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp.

Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được cấp có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp thì thực hiện xếp bậc lương theo chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm như sau:

a) Trường hợp khi được tuyển dụng có trình độ đào tạo tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm thì được xếp bậc 3, hệ số lương 3,00 của chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ hạng III, mã số

b) Trường hợp khi được tuyển dụng có trình độ đào tạo thạc sĩ phù hợp với vị trí việc làm thì được xếp bậc 2, hệ số lương 2,67 của chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ hạng III, mã số

c) Trường hợp khi được tuyển dụng có trình độ đào tạo đại học phù hợp với vị trí việc làm thì được xếp bậc 1, hệ số lương 2,34 của chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ hạng III, mã số

3. Việc xếp lương đối với viên chức làm công tác quản lý dự án đường bộ tại các Ban Quản lý dự án chuyên ngành, Ban Quản lý dự án khu vực, hiện đang xếp lương theo các ngạch công chức, viên chức quy định tại Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành danh mục các ngạch công chức và ngạch viên chức; Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức, cụ thể như sau:

a) Xếp lương quản lý dự án viên đường bộ hạng I, mã số đối với viên chức hiện đang xếp lương kỹ sư cao cấp, mã số 13.093 hoặc chuyên viên cao cấp, mã số 01.001;

b) Xếp lương quản lý dự án viên đường bộ hạng II, mã số đối với viên chức hiện đang xếp lương kỹ sư chính, mã số 13.094 hoặc chuyên viên chính, mã số 01.002;

c) Xếp lương quản lý dự án viên đường bộ hạng III, mã số đối với viên chức hiện đang xếp lương kỹ sư, mã số 13.095 hoặc chuyên viên, mã số 01.003;

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức làm công tác quản lý dự án đường bộ trong các Ban Quản lý dự án chuyên ngành, Ban Quản lý dự án khu vực.

2. Người đứng đầu các Ban Quản lý dự án chuyên ngành, Ban Quản lý dự án khu vực trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức làm công tác quản lý dự án đường bộ có trách nhiệm:

a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức quản lý dự án đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền được phân cấp;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức quản lý dự án đường bộ theo quy định tại Thông tư này;

b) Phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức quản lý dự án đường bộ trong các Ban Quản lý dự án chuyên ngành, Ban Quản lý dự án khu vực thuộc phạm vi quản lý từ ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ sang các chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ tương ứng quy định tại Thông tư này; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức thuộc diện quản lý vào chức danh nghề nghiệp quản lý dự án viên đường bộ theo thẩm quyền;

d) Báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức quản lý dự án đường bộ thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Giao thông vận tải.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh, Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu: VT, TCĐBVN.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể